

Số: 108/2020/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 26 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 100/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa:

Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày: 02/9/1993; Địa chỉ: 30 M D, quận H - C, Thành phố Đà Nẵng; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ - D, xã P - S, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Anh Nguyễn Xuân P, sinh ngày: 13/01/1992; Địa chỉ: Thôn Đ - D, xã P - S, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày: 02/9/1993; Địa chỉ: 30 M D, quận H - C, Thành phố Đà Nẵng; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ - D, xã P - S, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Anh Nguyễn Xuân P, sinh ngày: 13/01/1992; Địa chỉ: Thôn Đ - D, xã P - S, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Nguyễn Nhật H, sinh ngày 13/7/2013;

2/ Nguyễn Nhật Phương L, sinh ngày 21/8/2015;

Trên cơ sở nguyện vọng của cháu H, hai đương sự thỏa thuận giao cháu Nguyễn Nhật H cho anh Nguyễn Xuân P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Nhật Phương L cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu H và L đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung: Cả hai đương sự xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai đương sự xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001007 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự huyện Phong Điền. Chị T được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã P – S;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đạt